

Số: 83 /BC-THBTS

Tiên Sơn, ngày 30 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Quy chế công khai năm học 2022-2023

Kế hoạch thực hiện Quy chế công khai năm học 2023-2024

Căn cứ Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân ban hành kèm theo Thông số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017. Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2022- 2023 của trường Tiểu học B xã Tiên Sơn;

Căn cứ tình hình thực tế, trường Tiểu học B xã Tiên Sơn đánh giá việc thực hiện Quy chế công khai năm học 2022 - 2023 và xây dựng kế hoạch triển khai nhiệm vụ công tác công khai năm học 2023- 2024 cụ thể như sau:

I. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN QUY CHẾ CÔNG KHAI NĂM HỌC 2022-2023

1. Khái quát chung.

Thuận lợi: Được sự quan tâm, chỉ đạo từ Phòng Giáo dục và Đào tạo và các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương.

Nhà trường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nên các số liệu thống kê chính xác, thống nhất, công khai, minh bạch.

Khó khăn: Không

2. Công tác chỉ đạo.

Nhà trường đã triển khai nghiêm túc Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân ban hành kèm theo Thông số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017. Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

3. Các nội dung công khai trong năm học 2022 -2023

3.1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

a) Cam kết chất lượng giáo dục (cụ thể theo biểu số 05 đính kèm)

- Nhà trường xét tuyển học sinh vào lớp 1 theo Hướng dẫn của PGD&ĐT thị xã Duy Tiên.

- Thực hiện theo Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 và Thông tư 27/2020- BGDĐT ngày 04/9/2020. Nhà trường yêu cầu gia đình phối hợp tốt trong việc giáo dục học sinh. Kết quả đánh giá về phẩm chất, năng lực và học tập của học sinh.

b) Chất lượng giáo dục thực tế:

Năm học 2022-2023: Kết quả cuối năm học:

+ Phẩm chất: Tốt: $320/403=79,4\%$; Đạt: $81/403=20,1\%$, CCG: $2/403=0,5\%$.

+ Năng lực: Tốt: $305/403=75,7\%$; Đạt: $96/403=23,8\%$, CCG: $2/403=0,5\%$.

+ Tỷ lệ lên lớp : $401/403=99,5\%$

+ HTCTTH: $121/121=100\%$

c) Trường tiếp tục giữ vững các nội dung 5 tiêu chuẩn của Trường Tiểu học đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 theo (QĐ số 214 QĐ/ UBND ngày 29 tháng 01 năm 2021 của UBND tỉnh Hà nam, tiếp tục giữ vững kiểm định chất lượng mức độ 3 (QĐ số 03 ngày 06 tháng 01 năm 2021 của SGD&ĐT tỉnh Hà Nam.

3.2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng Giáo dục:

a) Cơ sở vật chất: Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, số thiết bị dạy học tối thiểu (cụ thể theo biểu số 07 đính kèm).

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên: Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và trình độ đào tạo (cụ thể theo biểu số 08 đính kèm).

3.3. Công khai thu chi tài chính:

- Nhà trường công khai các nội dung cụ thể như sau:

+ Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục

+ Các khoản thu khác từ người học theo năm học.

+ Các khoản chi theo năm học: Chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập, chi sửa chữa, mua sắm trang thiết bị

+ Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

4. Hình thức công khai và thời điểm công khai.

Các biểu công khai liên yết công khai trên trang thông tin của nhà trường và niêm yết công khai trên bảng tin của nhà trường. Nội dung “Mức thu các khoản thu khác theo năm học” được giáo viên chủ nhiệm tiếp tục công khai trong cuộc họp phụ huynh.

5. Thời điểm công khai:

Thực hiện vào tháng 6 hàng năm, cập nhật đầu năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan.

II. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN QUY CHẾ CÔNG KHAI NĂM HỌC 2023-2024

1. Mục đích yêu cầu

Quản lý tốt việc thu, chi cũng như việc sử dụng các nguồn đóng góp từ Phụ huynh học sinh đảm bảo khách quan, chống các biểu hiện tiêu cực trong đơn vị, từ đó xây dựng một tập thể dân chủ, đoàn kết.

Công khai các hoạt động của nhà trường trước cán bộ, giáo viên, học sinh, phụ huynh và quần chúng nhân dân trên địa bàn.

Thực hiện công khai cam kết của nhà trường về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để người học, các thành viên của nhà trường và xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.

Thực hiện công khai của nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy tập trung dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

2. Nội dung thực hiện công khai

2.1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

Cam kết chất lượng giáo dục: Điều kiện về đối tượng tuyển sinh của nhà trường, chương trình giáo dục của nhà trường, yêu cầu phối hợp giữa nhà trường và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở nhà trường, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý; kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được (Biểu mẫu số 05).

Chất lượng giáo dục thực tế: số học sinh xếp loại theo năng lực, phẩm chất, tổng kết, kết quả cuối năm, đạt giải các cuộc giao lưu, Violympic Toán - TV; Toán Tiếng Anh, IOE, TDTT,... (cụ thể theo biểu số 06 đính kèm).

Kế hoạch xây dựng trường đạt trường chuẩn Quốc gia và kết quả đạt được.

Kiểm định CL giáo dục: Báo cáo tự đánh giá ngoài,

2.2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng Giáo dục:

Cơ sở vật chất: Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, số thiết bị dạy học tối thiểu (theo biểu số 07).

Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên: Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo .. (theo biểu số 06).

Chế độ chính sách chi phí học tập cho HS, thực hiện theo năm học.

2.3. Công khai thu chi tài chính:

- Nhà trường công khai các nội dung cụ thể như:
 - + Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục.
 - + Các khoản thu khác từ người học theo năm học.
 - + Các khoản chi theo năm học: Chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi sửa chữa, mua sắm trang thiết bị, chi các khoản chi khác.
 - + Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp chế độ chi phí học tập, chế độ cho học sinh theo TT42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTB-BTC; đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

3. Hình thức và thời điểm công khai.

Hình thức công khai: Niêm yết công khai trên bảng tin của đơn vị và trên trang thông tin điện tử (website) của đơn vị.

Thời điểm công khai: thực hiện vào tháng 6 hàng năm, cập nhật đầu năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan.

4. Tổ chức thực hiện.

Hiệu trưởng: Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà trường.

Phó Hiệu trưởng: Trực tiếp chỉ đạo việc điều tra, thu thập thông tin, số liệu vào các biểu mẫu số 05,06,07,08.

Chủ tịch Công đoàn cơ sở: Thực hiện chức năng giám sát các cá nhân, bộ phận kê khai trên bảng thông tin của nhà trường.

Thư ký Hội đồng giáo dục: Tổng hợp các thông tin trong các biểu mẫu số 05,06,07,08.

Kế toán: Tổng hợp, thống kê các số liệu liên quan đến công tác tài chính, làm biểu công khai tài chính theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017. Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Quy chế công khai năm học 2022 - 2023 và kế hoạch thực hiện Quy chế công khai năm học 2023 - 2024 của trường Tiểu học B xã Tiên Sơn.

*** Nơi nhận:**

- Phòng GD&ĐT TX Duy Tiên (Báo cáo)
- Phó Hiệu trưởng (Phối hợp chỉ đạo)
- Các tổ, các bộ phận, GV, NV (Thực hiện)
- Lưu VP.



HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thị Lụa

Biểu mẫu 05

PHÒNG GD&ĐT THỊ XÃ DUY TIÊN
TRƯỜNG TIỂU HỌC B XÃ TIÊN SƠN

THÔNG BÁO**Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học, năm học 2023 - 2024**

TT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	91	89	117	93	99
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	35 tuần học gồm: - Chương trình GDPT 2018;	35 tuần học gồm: - Chương trình GDPT 2018;	35 tuần học gồm: - Chương trình GDPT 2018;	35 tuần học gồm: - Chương trình GDPT 2018;	35 tuần học gồm: - Chương trình GDPT 2006
III	Yêu cầu về phối hợp giữa CSGD và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của HS	- Hợp phụ huynh HS 2 lần/ năm. - Thực hiện nghiêm túc các nội quy của trường.	- Hợp phụ huynh HS 2 lần/ năm. - Thực hiện nghiêm túc các nội quy của trường.	- Hợp phụ huynh HS 2 lần/ năm. - Thực hiện nghiêm túc các nội quy của trường.	- Hợp phụ huynh HS 2 lần/ năm. - Thực hiện nghiêm túc các nội quy của trường.	- Hợp phụ huynh HS 2 lần/ năm. - Thực hiện nghiêm túc các nội quy của trường.
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở CSGD	- Hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, con gia đình chính sách theo quy định	- Hỗ trợ HS có hoàn cảnh khó khăn, con gia đình chính sách theo quy định	- Hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, con gia đình chính sách theo quy định	- Hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, con gia đình chính sách theo quy định	- Hỗ trợ HS có hoàn cảnh khó khăn, con gia đình chính sách theo quy định

V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Phẩm chất: Đạt 100% - Năng lực: Đạt 100% trở lên. - Các môn học và HĐGD: Hoàn thành 99% trở lên. - Lên lớp đạt 99% trở lên.	- Phẩm chất: Đạt 100% - Năng lực: Đạt 100% trở lên. - Các môn học và HĐGD: Hoàn thành 99% trở lên. - Lên lớp đạt 100 % trở lên	- Phẩm chất: Đạt 100% - Năng lực: Đạt 99% trở lên. - Các môn học và HĐGD: Hoàn thành 99% trở lên. - Lên lớp đạt 99% trở lên.	- Phẩm chất: Đạt 100% - Năng lực: Đạt 99% trở lên. - Các môn học và HĐGD: Hoàn thành 99% trở lên. - Lên lớp đạt 99% trở lên	- Phẩm chất: Đạt 100% - Năng lực: Đạt 100% - Các môn học và HĐGD: Hoàn thành 100% . - HTCTTH đạt 100
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	98,9% HS hoàn thành chương trình lớp học để tiếp tục học lớp 2 năm sau. - Phần đầu chỉ có 01 HS RL trong hè	100% HS hoàn thành chương trình lớp học để tiếp tục học lớp 3 năm học sau.	100% HS hoàn thành chương trình lớp học để tiếp tục học lớp 4 năm học sau.	100% HS hoàn thành chương trình lớp học để tiếp tục học lớp 5 năm học sau.	100% học sinh hoàn thành chương trình tiểu học để tiếp tục học THCS năm sau.

Tiên Sơn, ngày 06 tháng 9 năm 2023



Nguyễn Thị Lụa

Biểu mẫu 07

PHÒNG GD&ĐT THỊ XÃ DUY TIÊN
TRƯỜNG TIỂU HỌC B XÃ TIÊN SƠN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	18	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học	18	-
1	Phòng học kiên cố	18	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ, mượn	0	-
III	Số điểm trường lẻ	1	-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	8841	18 m ² /học sinh
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2300	m ² /học sinh
VI	Tổng diện tích các phòng	990	2,0 m ² /học sinh
1	Diện tích phòng học (m ²)	55	
2	Diện tích thư viện (m ²)	160	
3	<i>Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m²)</i>	626	
4	<i>Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m²)</i>	110	
5	<i>Diện tích phòng ngoại ngữ (m²)</i>	110	
6	<i>Diện tích phòng học tin học (m²)</i>	110	
7	<i>Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m²)</i>	60	
8	<i>Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m²)</i>	55	
9	<i>Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m²)</i>	30	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	17/17	Số bộ/lớp

1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	9/17	9/17
1.1	Khối lớp 1	3	3/3
1.2	Khối lớp 2	4	4/4
1.3	Khối lớp 3	4	4/4
1.4	Khối lớp 4	0	0/3
1.5	Khối lớp 5	0	0/3
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	0
2.1	Khối lớp 1	0	0
2.2	Khối lớp 2	0	0
2.3	Khối lớp 3	0	0
2.4	Khối lớp 4	0	3/3
2.5	Khối lớp 5	0	3/3
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	28	17,4 học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác	17	1 thiết bị/lớp
1	Ti vi	13	
2	Cát xét	3	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	
5	Thiết bị khác...	0	
6		

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0		
XIII	Khu nội trú	0		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		0,3m ² /hs nam; 0,3m ² /hs nữ
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo TT số [41/2010/TT-BGDĐT](#) ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư [27/2011/TT-BYT](#) ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp VS)

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Tiên Sơn, ngày 06 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Lụa

Biểu mẫu 08

PHÒNG GD&ĐT THỊ XÃ DUY TIÊN
TRƯỜNG TIỂU HỌC B XÃ TIÊN SƠN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường tiểu học, năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	30	0	0	27	1	2	0	3	25	2	21	5	0	0
	Giáo viên	26	0	0	25	1	0	0	1	17	1	21	5	0	0
I	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:	9	0	0	8	1	0	0	1	8	0	7	2	0	0
1	Tiếng dân tộc	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Ngoại ngữ	2	0	0	2	0	0	0	0	2	0	1	1	0	0
3	Tin học	1	0	0	1	0	0	0	0	2	0	1	0	0	0
4	Âm nhạc	2	0	0	1	1	0	0	1	1	0	2	0	0	0
5	Mỹ thuật	2	0	0	2	0	0	0	0	2	0	1	1	0	0
6	Thể dục	2	0	0	2	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0
II	Cán bộ quản lý	2	0	0	2	0	0	0	0	1	1	0	0	0	0
1	Hiệu trưởng	1	0	0	1	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0
III	Nhân viên	3	0	0	0	0	2	0	2	0	0	0	0	0	0
1	Nhân viên văn thư	1	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0	0	0	0
2	Nhân viên kế toán	1	0	0	1	0	1	0	1	0	0	0	0	0	0

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			T	S	Đ	H	C	Đ	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Trung bình
3	Thủ quỹ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Nhân viên y tế	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Nhân viên thư viện	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Nhân viên công nghệ thông tin	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Tiên Sơn, ngày 06 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Lụa